| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NINH PHƯỚC**<br>**TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2019
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Ông Lộ Xuân Trịnh Cương

**Thư ký phiên tòa**: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa**: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:13/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST, ngày 18- 01- 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Bà Châu Thị D; Sinh năm: 1961 (có mặt)

Bị đơn**:** Ông Kiều B; sinh năm: 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Châu Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà D, ông B tự tìm hiểu chung sống năm 1997 và có đến UBND xã P đăng ký kết hôn năm 2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông B với bà D chung sống không hợp tính nhau, ông B có những lời nói không tế nhị xúc phạm đến bà D nhiều lần, làm cho tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên bà D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

- *Về con chung***:** Có 01 con chung tên Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày 02-7-2001 bà D yêu cầu được nuôi, bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

- *Về tài sản chung gồm:* đất thửa 659, diện tích 4.712m$^2$; đất thửa 660, diện tích 5.380m$^2$ (Đã chỉnh lý từ thửa 204); tờ bản đồ địa chính số 15, xã A, huyện Ninh Phước gắn liền nhà cấp 4, các công trình phụ, cây trồng trên đất và 01 xe mô tô: biển kiểm soát số:85D1- 03165.

- *Về yêu cầu*: Bà D yêu cầu chia tài sản Hội đồng đã định giá theo pháp luật.

- Về căn nhà cấp 4 tại thôn T, xã P bà với ông Kiều B tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Hội đồng định giá; ông Kiều B đồng ý giao cho bà D được quyền quản lý, sử dụng vả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Kiều B trình bày*: Ông với bà D tự tìm hiểu có đến UBND xã P đăng ký kết hôn năm 2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông với bà D chung sống không hợp nhau thường xảy ra xích mích, làm cho tình cảm ngày càng lạnh nhạt nay bà D có đơn xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày 02-7-2001 ông yêu cầu được nuôi, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* gồm có các thửa đất 659, diện tích 4.712m$^2$; Thửa đất 660, diện tích 5.380m$^2$ (Đã chỉnh lý từ thửa 204); tờ bản đồ địa chính số 15; xã A, huyện Ninh Phước gắn liền nhà cấp 4, các công trình phụ; cây trồng trên đất và 01 xe mô tô: biển kiểm soát số:85D1-03165.

- *Về yêu cầu*: Ông yêu cầu chia tài sản chung mà Hội đồng đã định giá theo pháp luật; nhưng ông yêu cầu được chia cho ông được quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô, 01 căn nhà cấp 4 gắn liền đất và cây ăn trái.

- Về căn nhà cấp 4 tại thôn T, xã P ông với bà Châu Thị D tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng định giá; ông đồng ý giao cho bà D được quyền quản lý, sử dụng vả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nguyện vọng của cháu Kiều Ngọc Phi G: Mong muốn được ở với bà Châu Thị D

Tài sản chung theo Hội đồng định giá gồm:

I. Đất và tài sản trên thửa đất 659 (Chỉnh lý từ thửa đất 204); Tờ bản đồ địa chính số 15; thôn T, xã A, huyện Ninh Phước.

. Đất Thửa 659, diện tích 4.712m$^2$; giá 28.000đ/m$^2$ = 131.936.000đ

. Nhà cấp 4b: Móng xây đá chẻ, nền gạch bông, cửa gỗ, mái tôn lạnh; giá trị còn lại 55%

- Diện tích**;** (2,8m x 6,7m) + (6,9m x4,4m) = 49,1m$^2$; giá: 2.300.000đồng/m$^2$;
cách tính: 2.300.000đồng/m$^2$.x 49,1m2 x 55% = 62.111.500đồng

. Mái hiên; Nền xi măng, móng đá chẻ, trụ xây gạch, mái tôn, giá trị còn lại 50%

- Diện tích; (8,7m x 2,6m) + (2,0m x 6,5m) = 35.3m$^2$, giá 347.000đồng/m$^2$
cách tính: 347.000đồng/m$^2$ x 35.3m$^2$ x 50% = 6.124.550đồng.

. Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền đất, tường xây gạch không tô, mái tôn, tỷ lệ còn lại 30%,

- Diện tích; 2,3m x 3,5 m= 8,5$m^2$; giá 433.000đồng/$m^2$;

cách tính: 433.000 đồng/$m^2$ x 8.5$m^2$ x 30% = 1.104.150đồng

. Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch, tô quét vôi, mái tôn; tỷ lệ còn lại 40%,

- Diện tích 2,5m x 4,0m = 14$m^2$ ; giá 433.000đồng/$m^2$

cách tính: 433.000đồng/$m^2$ x 14$m^2$ x 40% = 2.424.800đồng.

. Hồ nước: móng đá chẻ, tường xây gạch, tô xi măng, giá trị còn lại 50%,

- Diện tích; 1,7 x 2,3 x 1,6 =6.26$m^3$; giá 1.314.000đồng/$m^3$.

cách tính: 1.314.000 đồng/$m^3$ x 6.26$m^3$ x 50% = 4.112.820đồng.

. Cây ăn trái:

- 340 cây mãn cầu đang thu hoạch, giá 130.000đồng/cây = 44.200.000đồng
- 70 cây xoài đang thu hoạch, giá 780.000đồng/cây = 54.600.000đồng.
- 6 cây mít chưa thu hoạch, giá 180,000đồng/cây = 1.080.000đồng.
- 32 cây trôm đang thu hoach, giá 75.000đồng = 2.400.000đông.
- 360 cây trôm chưa thu hoạch, giá 24.000đồng/cây = 8.640.000đồng.

. Xe mô tô: Biển kiểm soát số:85D1-03165.

Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 4-3-2013 của ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đơn giá 14. 000.000đồng/chiếc; xe sử dụng 02 năm, giá trị còn lại 70%.

cách tính: 14.000.000đồng x 70% = 9.800.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thủa đất 659**:** 328.533.820đồng.

II. Đất và tài sản trên đất thuộc thửa 660(Chỉnh lý từ thửa sos 204); Tờ bản đồ địa chính số 15, thôn Tuán Tú, xã A, huyện Ninh Phước

1. Đất thửa 660, diện tích 5.380$m^2$, giá: 28.000đ/$m^2$ = 150.640.000đồng

- 40 cây trôm chưa thu hoạch, giá 24.000đồng/cây = 960.000đồng.
- 10 cây xoài thu hoạch, giá 780.000đồng/cây = 7.800.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thủa đất 660**:** 159.400.000 đồng

- Về căn nhà cấp 4 tại thôn T, xã P bà Châu Thị D và ông Kiều B tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Hội đồng định giá, ông Kiều B đồng ý giao cho bà D được quyền quản lý, sử dụng vả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hôn nhân gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Châu Thị D với ông Kiều B, giao bà D trực tiếp nuôi 01 đứa con chung tên Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2011; về cấp dưỡng nuôi con tại phiên

tòa bà D yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xem xét theo pháp luật buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà D;

V*ề tài sản chung*: Yêu cầu chia theo pháp luật mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản chung. Nhưng giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho bà D được quyền sử dụng, sở hữu; buộc bà Dình phải hoàn trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Kiều B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TỂA ÁN:

1/ Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp về "ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung"

Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2/ Về hôn nhân**:** Ông B với bà D tự tìm hiểu có đến UBND xã P đăng ký kết hôn năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông B với bà D chung sống không hợp nhau thường xảy ra xích mích, làm cho tình cảm ngày càng lạnh nhạt và ly thân, nay bà D có đơn xin ly hôn, ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D, ông B cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Châu Thị D xin ly hôn ông Kiều B; ông B xét thấy tình cảm không còn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

3/ Về con chung*:* Bà Châu Thị D và ông Kiều B yêu cầu được nuôi 01 đứa con chung tên Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày: 02-7-2001.

Xét con chung hiện nay bà D đang chăm sóc, nuôi dưỡng và xét nguyện vọng của cháu G mong muốn được ở với bà D. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Kiều Ngọc Phi G cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

4/Về cấp dưỡng: Bà Châu Thị D yêu cầu ông Kiều B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D.

Buộc ông Kiều B phải cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày: 02-7-2001 mỗi tháng 1.000.000đ; kể từ tháng 2-2019 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

5/ Về tài sản:

Xét lời trình bày của ông B; ông B cho rằng chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA là tài sản riêng của ông là không có căn cứ. Vì chiếc xe này mua trong thời kỳ hôn nhân nên đó là tài sản chung của ông B với bà D. Vì vậy theo lời khai của bà D xác định tài sản chung là có căn cứ.

Theo diện tích đất Hội đồng đo đạc xác định được quy chủ cho hộ ông B, bà D; trong quá trình lấy lời khai, hòa giải ông B yêu cầu được sở hữu căn nhà gắn liền diện tích đất trồng cây xung quanh nhà; còn bà D yêu cầu chia theo pháp luật.

Tổng giá trị tài sản chung của bà Châu Thị D và ông Kiều B Hội đồng xét xử , xử chia mỗi người 1/2 là phù hợp.

Tài sản đã định giá là 487.933.820 : 2 = 243.966.910 đồng.

Vì vậy tài sản chung mỗi người được chia là 243.966.910 đồng..

Để thuận tiện trong việc sinh hoạt, có nơi ở ổn định, canh tác tăng thu nhập cho gia đình, Hội đồng xét xử, xử chia như sau:

Xử chia cho ông Kiều B được sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm:

- 02 thửa đất 659 (Đã chỉnh lý từ thửa 204); Tờ bản đồ địa chính số 15; xã A, huyện Ninh Phước;
- Thửa 659, diện tích 4.712$m^2$; giá 28.000đ/$m^2$ = 131.936.000đ
- Nhà cấp 4b: Móng xây đá chẻ, nền gạch bông, cửa gỗ, mái tôn lạnh; giá trị còn lại 55% Diện tích**;** (2,8m x 6,7m) + (6,9m x4,4m) = 49,1$m^2$; giá: 2.300.000đồng/$m^2$;

  cách tính: 2.300.000đồng/$m^2$.x 49,1m2 x 55% = 62.111.500đồng
- Mái hiên; Nền xi măng, móng đá chẻ, trụ xây gạch, mái tôn, giá trị còn lại 50%; điện tích; (8,7m x 2,6m) + (2,0m x 6,5m) = 35.3$m^2$, giá 347.000đồng/$m^2$

  cách tính: 347.000đồng/$m^2$ x 35.3$m^2$ x 50% = 6.124.550đồng.
- Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền đất, tường xây gạch không tô, mái tôn, tỷ lệ còn lại 30%, diện tích; 2,3m x 3,5 m= 8,5$m^2$; giá 433.000đồng/$m^2$;

  cách tính: 433.000 đồng/$m^2$ x 8.5$m^2$ x 30% = 1.104.150đồng
- Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch, tô quét vôi, mái tôn; tỷ lệ còn lại 40%; diện tích 2,5m x 4,0m = 14$m^2$ ; giá 433.000đồng/$m^2$

  cách tính: 433.000đồng/$m^2$ x 14$m^2$ x 40% = 2.424.800đồng.
- Hồ nước: móng đá chẻ, tường xây gạch, tô xi măng, giá trị còn lại 50%; diện tích; 1,7 x 2,3 x 1,6 =6.26$m^3$; giá 1.314.000đồng/$m^3$.

  cách tính: 1.314.000 đồng/$m^3$ x 6.26$m^3$ x 50% = 4.112.820đồng.
- Cây ăn trái:
- 340 cây mãn cầu đang thu hoạch, giá 130.000đồng/cây = 44.200.000 đồng
- 70 cây xoài đang thu hoạch, giá 780.000đồng/cây = 54.600.000đồng.
- 6 cây mít chưa thu hoạch, giá 180,000đồng/cây = 1.080.000đồng.
- 32 cây trôm đang thu hoach, giá 75.000đồng = 2.400.000đông.
- 360 cây trôm chưa thu hoạch, giá 24.000đồng/cây = 8.640.000 đồng.
- Xe mô tô: Biển kiểm soát số:85D1-03165 đơn giá 14. 000.000đồng/chiếc; xe sử dụng 02 năm, giá trị còn lại 70%.

cách tính: 14.000.000đồng x 70% = 9.800.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thủa đất 659: 328.533.820 đồng.

Xử chia cho bà Châu Thị D được quyền sở hữu, sử dụng gồm:

- 01 thửa đất số 660 (Đã chỉnh lý từ thửa 204); Tờ bản đồ địa chính số 15; xã A, huyện Ninh Phước, diện tích 5.380$m^2$, giá: 28.000đ/$m^2$ = 150.640.000đồng.
- 40 cây trôm chưa thu hoạch, giá 24.000đồng/cây = 960.000đồng.
- 10 cây xoài thu hoạch, giá 780.000đồng/cây = 7.800.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thủa đất 660**:** 159.400.000đồng .

Về tài sản: - ông Kiều B thực nhận trị giá 328.533.820 đồng

- bà Châu Thị D thực nhận trị giá 159.400.000 đồng

Vậy ông Kiều B phải bù chênh lệch tài sản cho bà Châu Thị D số tiền 169.133.820 đồng.

Về án phí**:** Đối với bà D là người cao tuổi, dân tộc thiểu số, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án và lệ phí tòa án thì bà được miễn 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí tài sản do bà D, ông B có tài sản và yêu cầu chia nên không xem xét để miễn án phí về tài sản. Buộc bà D, ông B phải chịu 12.198.345 đồng án phí tài sản. Nhưng xét bà D, ông B là dân tộc thiểu số, hơn nữa ông B là người cao tuổi nên giảm 1/2 tiền án phí tài sản (cách tính: 12.198.345 đồng : 2 = 6.099.172 đồng.)

Vì vậy buộc bà D phải chịu 6.099.172 đồng án phí tài sản, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng bà D đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0014669, ngày 18-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước; bà Châu Thị D còn phải nộp 5.799.172 đồng nữa là đủ.

Buộc ông Kiều B phải chịu 6.099.172 đồng án phí tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.000.000 đồng ông B đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0016055, ngày 02-05-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước; Hoàn trả cho ông Kiều B 1.900.828 đồng.

Về chi phí định giá ông B đã nộp 2.300.000 đồng chi phí hết; xét khoản chi phí này là khoản chi trả tiền định giá tài sản chung của bà D, ông B nên mỗi người phải chịu 1/2 là phù hợp.

Vì vậy buộc bà Châu Thị D phải chịu 1.150.000 đồng chi phí định giá để hoàn trả lại cho ông Kiều B (cách tính 2.300.000đ : 2).

Về chi phí cấp trích lục ông B đã nộp 3.527.415 đồng chi phí hết; xét khoản chi cấp trích lục này là căn cứ cho bà D, ông B làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật nên mỗi người phải chịu 1/2 là phù hợp.

Vì vậy buộc bà Châu Thị D phải chịu 1.763.707 đồng chi phí cấp trích lục để hoàn trả lại cho ông Kiều B (cách tính 3.527.415đ : 2).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

**Tuyên xử:**

.Về hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị D; bà Châu Thị D được ly hôn ông Kiều B.

.Về con chung: Giao cho bà Châu Thị D trực tiếp nuôi 01 con chung tên Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày: 02-7-2001 (hiện bà D đang nuôi).

.Về tài sản chung:

Xử chia cho ông Kiều B được sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm:

- Thửa đất 659 diện tích 4.712m$^2$, trị giá 131.936.000đồng;
- Nhà cấp 4b: Móng xây đá chẻ, nền gạch bông, cửa gỗ, mái tôn lạnh, diện tích 49,1m$^2$, trị giá 62.111.500đồng.
- Mái hiên, Nền xi măng, móng đá chẻ, trụ xây gạch, mái tôn, điện tích 35.3m$^2$, trị giá 6.124.550đồng.
- Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền đất, tường xây gạch không tô, mái tôn, diện tích 8,5m$^2$; trị giá 1.104.150đồng
- Chuồn gà: móng xây đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch, tô quét vôi, mái tôn, diện tích 14m$^2$ ; trị giá 2.424.800đồng.
- Hồ nước: diện tích 6.26m$^3$; trị giá 4.112.820đồng.
- Cây ăn trái:
- 340 cây mãn cầu đang thu hoạch trị giá 44.200.000đồng
- 70 cây xoài đang thu hoạch trị giá 54.600.000đồng.
- 6 cây mít chưa thu hoạch trị giá 1.080.000đồng.
- 32 cây trôm đang thu hoach trị giá 2.400.000đông.
- 360 cây trôm chưa thu hoạch trị giá 8.640.000đồng.
- Xe mô tô: biển kiểm soát số:85D1- 03165 trị giá 9.800.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thửa đất 659 trị giá 328.533.820đồng.

Xử chia cho bà Châu Thị D được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất số 660, diện tích 5.380m$^2$, trị giá: 150.640.000đồng.
- 40 cây trôm chưa thu hoạch trị giá 960.000đồng.
- 10 cây xoài thu hoạch trị giá 7.800.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên thủa đất 660 trị giá 328.533.820đồng.

Buộc ông Kiều B phải bù chênh lệch tài sản cho bà châu Thị D số tiền 169.133.820 đồng.

.Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc ông Kiều B phải cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Ngọc Phi G, sinh ngày: 02-7-2001 mỗi tháng 1.000.000đ; kể từ tháng 02-2019 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Bà Châu Thị D là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Kiều B là người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20% năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10% năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

.Về án phí**:**

Bà Châu Thị D được miễn 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc bà Châu Thị D phải chịu 6.099.172 đồng án phí tài sản, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng bà D đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0014669, ngày 18-01-

2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước; bà Châu Thị D còn phải nộp 5.799.172 đồng nữa là đủ.

Buộc ông Kiều B phải chịu 6.099.172 đồng án phí tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.000.000 đồng ông B đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0016055, ngày 02-05-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước; Hoàn trả cho ông Kiều B 1.900.828đồng.

Buộc bà Châu Thị D phải chịu 1.150.000đồng chi phí định giá để hoàn trả lại cho ông Kiều B.

Buộc bà Châu Thị D phải chịu 1.763.707 đồng chi phí cấp trích lục để hoàn trả lại cho ông Kiều B (cách tính 3.527.415đ : 2).

"….Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-01-2019).

Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 23-10-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - chi nhánh huyện Ninh Phước.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

***- Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Sửu**